

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH Y**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2020/HNGĐ- ST
Ngày 16-9-2020
V/v ly hôn và nuôi con chung
sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y
*Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hoàng Văn Công

- Bà Bùi Bích Thủy

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Linh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Bà Diêm Thị Thanh Tuyền- Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 171/2020/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 18-8-2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28-8-2020; thông báo mở lại phiên tòa số 29 ngày 04 tháng 9 năm 2020 giữa;

Nguyên đơn: Anh Triệu Văn L, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện L, tỉnh Y- Có mặt

Bị đơn: Chị Hoàng Thị D, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện L, tỉnh Y- Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 7 năm 2020 và biên bản ghi lời khai nguyên đơn anh Triệu Văn L trình bày: Anh L và chị Hoàng Thị D có quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000. Ngày 18-8-2008 anh L và chị D mới đến Ủy ban nhân dân xã K, huyện L làm thủ tục đăng ký kết hôn. Anh L và chị D chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị D đi làm ăn xa không quan tâm đến gia đình và các con. Anh L đã khuyên bảo nhiều lần nhưng chị D không thay đổi. Anh L và chị D đã sống ly thân

từ cuối năm 2017. Nay Anh L xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị D.

Về con chung: Anh L và chị D có hai con chung, tên là Triệu Quốc T, sinh ngày 23-7-2001 và Triệu Thị Thúy S, sinh ngày 24-02-2004. Cháu T trên 18 tuổi đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu S hiện nay đang ở với anh L và anh có nguyện vọng nuôi cháu S, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Hoàng Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tiến hành giải quyết vụ án, nhưng chị D vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tại phiên tòa hôm nay phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của bị đơn.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, 56, 57, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 xử: Anh L được ly hôn chị D; giao cháu Triệu Thị Thúy S cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chị D không phải cấp dưỡng nuôi con, anh L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} *Về thủ tục tố tụng:* Tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án nhân dân L là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đã tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của bị đơn.

{2} *Về tư cách người tham gia tố tụng:* Tòa án xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

{3} *Về tình cảm:* Anh Triệu Văn L và chị Hoàng Thị D có quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000. Ngày 18-8-2008 anh L và chị D mới đến Ủy ban nhân dân xã K, huyện L làm thủ tục đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân

hợp pháp. Anh L và chị D chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị D đi làm ăn xa không quan tâm đến gia đình và các con. Anh L đã khuyên bảo nhiều lần nhưng chị D không thay đổi. Anh L và chị D đã sống ly thân từ cuối năm 2017. Nay anh L xác định tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị D. Về phía chị D đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần để giải quyết vụ án nhưng đều vắng mặt không lý do. Mặc dù chị D biết việc anh L xin ly hôn nhưng chị D không có ý kiến gì. Tại biên bản xác minh ngày 18-8-2020 tại thôn T, xã K, huyện L, tỉnh Y nơi anh L và chị D cư trú, sinh sống cũng xác nhận: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh L và chị D là do chị D đi làm ăn xa không quan tâm đến gia đình và các con. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn giữa anh L và chị D là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu xin ly hôn của anh L là có căn cứ, được chấp nhận. Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử anh L được ly hôn chị D

{4} *Về con chung*: Anh L và chị D có hai con chung, tên là Triệu Quốc T, sinh ngày 23-7-2001 và Triệu Thị Thúy S, sinh ngày 24-02-2004. Cháu T trên 18 tuổi đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu S anh L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay cháu S đang ở cùng anh L, nguyện vọng của cháu muốn được ở cùng anh L. Để đảm bảo ổn định tâm lý và sự phát triển bình thường của cháu S, nên để anh L trực tiếp nuôi cháu S là có căn cứ, phù hợp pháp luật, phù hợp với thực tế và nguyện vọng của cháu S. Áp dụng các Điều 81, 82 và 83 luật hôn nhân và gia đình xử: Giao cháu Triệu Thị Thúy S cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chị D không phải cấp dưỡng nuôi con.

{5} *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

{6} *Về án phí*: Anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật

{7} *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 53, 56, 57, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1- *Về quan hệ hôn nhân xử*: Anh Triệu Văn L được ly hôn chị Hoàng Thị D

2- *Về con chung xử*: Giao cháu Triệu Thị Thúy S, sinh ngày 24-02-2004 cho anh Triệu Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, chị Hoàng Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3- *Về án phí*: Anh Triệu Văn L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) anh L đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: AA/2017/0008230 ngày 24-7-2020 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Anh L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4- *Quyền kháng cáo*: Anh Triệu Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Hoàng Thị D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TA Tỉnh Y;
- VKS huyện L;
- CCTHA huyện L;
- UBND xã K;
- Các đương sự (02);
- Lưu HS. TA

Hoàng Văn Anh